

Số: 53 /HCCB-CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

- Mã chứng khoán: CSV
- Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028.38296620
- Fax: 028.38243166
- E-mail: [sbcc@sochemvn.com](mailto:sbcc@sochemvn.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và Thông báo về việc tạm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm của Chi cục thuế Khu vực Bảo Lộc – Bảo Lâm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam vào ngày 15/01/2024 tại đường dẫn: <http://sochemvn.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

**Tài liệu đính kèm:**

- Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố: Thông báo số 34/TB-KTNN ngày 05/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước và Thông báo số 6850/TB-CCTKV ngày 12/12/2023 của Chi cục thuế khu vực Bảo lộc – Bảo lâm

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Thanh Bình**

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *936* /KTNN-CNVI

V/v kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Hà Nội, ngày *29* tháng *12* năm 2023

<b>CTY HÓA CHẤT CƠ BẢN MN</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: <i>27</i>
	Ngày: <i>15/01/24</i>
Chuyển:	<i>P. TCKT</i>

Kính gửi: Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện nội dung Công văn số 3084/BTC-NSNN ngày 05/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ghi chép, báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Kiểm toán nhà nước gửi tới Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh Bảng tổng hợp kiến nghị tăng thu NSNN (*Phụ lục số 01-CVKB gửi kèm theo công văn này*) từ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Đề nghị Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, hướng dẫn các đơn vị được kiểm toán thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Tài chính.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:  
- Như trên;

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**  
**KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

**Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO**

- Photo: - Bên TGD .
- *P.TCKT* thao dñi đặ' thực hiện .



*Trần Văn Hào*  
**Trần Văn Hào**

*Trần Văn Hào*



**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM NGHIỆM TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2022 TẠI TẬP ĐOÀN HOÁ CHẤT VIỆT NAM NĂM KIỂM TOÁN 2023**  
(Kèm theo Công văn số: 936/KTNN-CNVI ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước)

Phụ lục số 01-CVKB

TT	Đơn vị kiểm toán	Chi tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế					Phí, lệ phí (phí bảo vệ môi trường)	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Ghi chú
					Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế tài nguyên	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế khác (thuế nhà thầu)			
1	Công ty CP Phân bón Bình Điền		0302975517	212.706.709		212.706.709						
2	Công ty CP Phân bón Miền Nam		0300430500	893.244.064		893.244.064						
3	Công ty CP Hoá chất Cơ bản Miền Nam		0301446260	288.029.069		145.454.504						
4	Công ty CP Bột giặt Lix		0301444263	1.666.924.009		1.666.924.009			88.309.048		54.265.517	
5	Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam		0300405462	690.563.484		690.563.484						
6	Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn		0300422482	12.823.334	12.823.334							
7	Công ty CP Thuốc Sát trùng Việt Nam		0300408946	427.132.874	375.171.428							
8	Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam		0300419930	3.639.230.437				51.961.446				
	<b>Tổng cộng</b>			<b>7.830.653.980</b>	<b>387.994.762</b>	<b>6.305.306.192</b>	<b>-</b>	<b>51.961.446</b>	<b>88.309.048</b>	<b>-</b>	<b>942.817.015</b>	<b>997.082.532</b>

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**Số: **929**/KTNN-CNVI

V/v kiến nghị tăng thu NSNN qua kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm 2023

Kính gửi: Kho bạc nhà nước Đồng Nai

Thực hiện nội dung Công văn số 3084/BTC-NSNN ngày 05/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ghi chép, báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Kiểm toán nhà nước gửi tới Kho bạc nhà nước Đồng Nai Bảng tổng hợp kiến nghị tăng thu NSNN (*Phụ lục số 01-CVKB gửi kèm theo công văn này*) từ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Đề nghị Kho bạc nhà nước Đồng Nai theo dõi, hướng dẫn các đơn vị được kiểm toán thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Tài chính.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam;
- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;
- Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam;
- Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI;
- Lưu: VT, HSKT.

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**  
**KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI****Trần Văn Hảo**

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM NGHIỆM TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2022 TẠI TẬP ĐOÀN HOÁ CHẤT VIỆT NAM NĂM KIỂM TOÁN 2023  
(Kèm theo Công văn số: 229/KTN-CNVI ngày 29 tháng 1 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước)

TT	Đơn vị kiểm toán	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế						Phí, lệ phí (phí bảo vệ môi trường)	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Ghi chú	
				Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế tài nguyên	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế khác (thuế nhà thầu)	Thuế khác				
1	Công ty CP Phân bón Miền Nam	0300430500	474.695.417		474.695.417								
2	Công ty CP Hoá chất Cơ bản Miền Nam	0301446260	3.041.816.184		3.041.816.184								
3	Công ty CP Pin Ac quy Miền Nam	0300405462	4.683.471.408		4.683.471.408								
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8.199.983.009</b>		<b>8.199.983.009</b>								

Đơn vị tính: Đồng

Chữ in



Số: 34 /TB-KTNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2024

CTY HÓA CHẤT CƠ BẢN MN

Số: 28  
ĐẾN Ngày: 15/01/24

Chuyên: P.TKT

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN**

**TẠI: Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam**

Kính gửi:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam;
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Thực hiện Quyết định số 1150/QĐ-KTNN ngày 31/8/2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 và Dự án đầu tư Bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam từ ngày 06/9/2023 đến ngày 25/9/2023.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 25 tháng 9 năm 2023. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị như sau:

**I.A. Kết luận kiểm toán báo cáo tài chính 2022**

**1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

**1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính**

Chi tiết tại Phụ lục 03-TBKQKT kèm theo.

**1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

**Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán:** lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng<sup>1</sup>; áp dụng các thủ tục kiểm soát nội bộ mà Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính:** Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam lập ngày 10/3/2023 và đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C xác nhận. Theo ý kiến của Đoàn Kiểm toán nhà nước, ngoại trừ các ảnh hưởng bởi phạm vi, giới hạn kiểm toán<sup>2</sup> và những tồn tại, hạn chế (trình bày tại Thông báo kết quả kiểm toán), xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý tài chính công, tài sản công**

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung điều chỉnh phạm vi hoạt động của doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động và các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Kết quả kiểm toán chọn mẫu tại Công ty mẹ Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Công ty) cho thấy: đơn vị đã xây dựng và ban hành các quy chế, quy trình, định mức sản xuất kinh doanh nội bộ để quản lý việc sử dụng vốn, tiền và tài sản của doanh nghiệp; thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, công khai thông tin tài chính; tổ chức công tác kế toán, mở sổ theo dõi, hạch toán tài sản, nợ phải trả, doanh thu, thu nhập và chi phí, ...; kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi tại các ngân hàng; kê khai, quyết toán, nộp và hạch toán các loại thuế và các khoản phải nộp NSNN; người đại diện vốn thực hiện trách nhiệm được giao; thực hiện chế độ báo cáo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

Tuy nhiên, việc tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính - kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản của Công ty mẹ Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền

<sup>1</sup> Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành và các quy định pháp lý có liên quan

<sup>2</sup> Chi tiết tại Phụ lục 04-TBKQKT

nam còn có những hạn chế, tồn tại trình bày cụ thể tại các phần dưới đây và kết quả kiểm toán điều chỉnh tại các Phụ lục kèm theo.

### **2.1. Hàng tồn kho**

Công ty còn tồn tại trong việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho chưa đúng quy định tại mục 20 và mục 22 Chuẩn mực kế toán 02 ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 và khoản 2 Điều 4 Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019, qua kiểm toán điều chỉnh giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho 5.894 triệu đồng.

### **2.2. Tài sản cố định**

Công ty còn tồn tại trong việc tính chi phí nhân công lắp đặt TSCĐ vào chi phí trong kỳ và tính thiếu thuế nhà thầu khi tập hợp nguyên giá TSCĐ, qua kiểm toán điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ theo quy định tại khoản a Điều 4 Thông tư 45/2013/TT-BTC 602 triệu đồng.

### **2.3. Quản lý chi phí**

Công ty còn tồn tại trong việc trích trước chi phí chưa phù hợp quy định tại Điều 54 điểm d khoản 1 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2022; tồn tại trong việc trích lập dự phòng hàng tồn kho và xác định nguyên giá TSCĐ như đã trình bày ở các phần trên,... qua kiểm toán điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán 6.262 triệu đồng; giảm chi phí bán hàng 71 triệu đồng; giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 98 triệu đồng.

### **2.4. Thuế và các khoản phải nộp NSNN**

Công ty còn tồn tại trong việc kê khai các khoản thuế phải nộp NSNN, qua kiểm toán điều chỉnh tăng nghĩa vụ nộp NSNN, bao gồm:

- Tăng thuế TNDN phải nộp do tăng tương ứng với tăng kết quả sản xuất kinh doanh qua kiểm toán, do điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN đối với chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không tương ứng doanh thu trong kỳ theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi Điều 6 Thông tư 78/2018/TT-BTC ngày 18/6/2014 (điểm 2.30 và điểm 1a) và chi phúc lợi quá 1 tháng lương bình quân theo quy định tại điểm 2.30 khoản 2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015;...

- Tăng thuế nhà thầu phải nộp do đơn vị tính thiếu thuế nhà thầu của Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh



doanh tại Việt Nam đối với chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao.

- Giảm thuế GTGT được khấu trừ của chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không tương ứng doanh thu trong kỳ, không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

*(Chi tiết tại Phụ lục 03-TBKQKT)*

### **3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả**

#### **3.1. Đánh giá chung**

- Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 516.966 triệu đồng, tăng 89,46% so với năm 2021 (244.105 triệu đồng).

Tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) = Lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn chủ sở hữu BQ: năm 2022 là 28,70%, tăng 9,90% so với năm 2021 (18,80%).

Tỷ lệ sinh lời trên tổng tài sản (ROA) = Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân: năm 2022 là 23,83%, tăng 8,85% so với năm 2021 (14,98%).

- Về quy mô

Doanh thu bán hàng và CCDV năm 2022 là 2.104.286 triệu đồng, tăng 527.516 triệu đồng (tương đương 33,46%) so với năm 2021 (1.576.769 triệu đồng).

- Khả năng thanh toán

Hệ số nợ = Tổng nợ phải trả / Tổng nguồn vốn: Năm 2022 là 0,17 lần, giảm 0,03% so với năm 2021 (0,20 lần).

Khả năng thanh toán tổng quát = Tổng tài sản/Nợ phải trả: năm 2022 là 5,89 lần, so với năm 2021 là 4,92 lần, tăng 0,89 lần

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn: năm 2022 là 4,28 lần, so với năm 2021 là 3,16 lần tăng 1,12 lần.

Các chỉ số trên cho thấy, doanh thu, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của đơn vị tăng trưởng so với năm 2021, tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản đều tăng. Tuy nhiên, trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn có một số sản phẩm kinh doanh lỗ, giá bán một số lô cuối năm thấp hơn giá nhập mua hàng hóa (H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> nhập khẩu) hoặc thấp hơn giá thành sản xuất (H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> thành phẩm). Theo báo cáo của đơn vị, nguyên nhân chủ yếu là do giá H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> biến động giảm bất thường vào thời điểm cuối năm, trong khi hàng hóa, vật tư phải ký kết hợp đồng mua trước nhiều tháng để hoàn thành thủ tục nhập

khẩu phục vụ sản xuất kinh doanh; việc duy trì sản xuất và kinh doanh sản phẩm này nhằm đảm bảo công việc ổn định của người lao động, bù đắp chi phí khấu hao TSCĐ; bên cạnh đó, khi sản xuất H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> có thu được hơi nước để cấp cho nhà máy Hoá chất Biên Hoà (sản xuất NaOH) cũng giúp làm giảm giá thành, tăng hiệu quả của Nhà máy này; tổng hợp chung toàn hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị vẫn có hiệu quả cao hơn so với năm 2021 và vượt kế hoạch được giao.

Hệ số nợ năm 2022 giảm so với năm 2021, khả năng thanh toán tổng quát và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty tăng so với năm 2021, đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả.

### **3.2. Những hạn chế, tồn tại**

Ngoài các tồn tại, hạn chế về tính tuân thủ đã trình bày tại các phần trên, kết quả kiểm toán chọn mẫu cho thấy, Công ty còn có một số yếu tố, nội dung ảnh hưởng đến tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong quản trị sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

#### **3.2.1. Các khoản phải thu**

(1) Tại Công ty mẹ, nợ phải thu quá hạn thanh toán chiếm 1,63% nợ phải thu khách hàng (3.315 triệu đồng/203.344 triệu đồng), trong đó quá hạn trên 6 tháng là 3.315 triệu đồng (nợ phải thu quá hạn thanh toán dưới 3 năm 1.178 triệu đồng, trên 3 năm 2.137 triệu đồng); phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 2.553 triệu đồng. Trong đó, một số khoản nợ không có quy định về điều khoản đảm bảo thanh toán (như bảo lãnh ngân hàng) tại Hợp đồng bán hàng dẫn đến khi quá hạn thanh toán không có tài sản bảo đảm như: khoản nợ với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Khang Nghi (158 triệu đồng), Công ty TNHH Phương Duy (348 triệu đồng);...

(2) Cuối năm Công ty đã thực hiện gửi biên bản đối chiếu xác nhận nợ với khách hàng tuy nhiên chưa đầy đủ (Phải thu khách hàng tại Nhà máy Hoá chất Biên Hoà là 91,9% (158.380/172.430 triệu đồng), Văn phòng công ty là 89% (4.400/4.969 triệu đồng).

#### **3.2.2. Chi phí sửa chữa lớn**

Qua kiểm toán chọn mẫu chi phí sửa chữa lớn Hạng mục A.1.22: Nhà văn phòng làm việc, nhà ăn (A4001017901, A0101029701) cho thấy còn tồn tại trong công tác lập dự toán, cụ thể:

- Chi phí vận chuyển bằng thủ công 10 m khởi đầu và 10 m tiếp theo đối với vật liệu cát nâng nền đã bao gồm trong công tác Đắp cát nâng nền (vận chuyển thu công trong phạm vi 30m) làm tăng dự toán gói thầu 3.613.016 đồng (tuy nhiên dự

toán tính lại vẫn cao hơn giá trúng thầu).

- Công trình sửa chữa có địa điểm tại tỉnh Đồng Nai nhưng báo giá lập dự toán hạng mục Vách ngăn tấm Compact 18mm, màu ghi (bao gồm cửa) lại tham khảo trên mạng của nhà cung cấp TOKY cho Hà Nội và các tỉnh phía Bắc (dự toán hạng mục có giá 7.063.746 đồng).

## **I.B. Kết luận kiểm toán Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa**

### **1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo quyết toán**

*Chi tiết tại Phụ lục 04.1, 04.2, 04.3-TBKQKT kèm theo.*

### **1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo quyết toán**

**Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán:** Lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo quyết toán; áp dụng các kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo quyết toán không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính:** KTNN thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam lập ngày 10/3/2023 và đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C xác nhận. Theo ý kiến của Đoàn KTNN, ngoại trừ các ảnh hưởng bởi phạm vi, giới hạn kiểm toán<sup>2</sup> và những tồn tại, hạn chế (trình bày tại Thông báo kết quả kiểm toán), xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo quyết toán Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa phê duyệt tại Quyết định số 173/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý đầu tư xây dựng, chế độ tài chính - kế toán, quản lý tài chính công, tài sản công**

Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (gọi tắt là Dự án đầu tư bình điện phân) được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam phê duyệt tại Quyết định số 540/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2016 với mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định của nhà máy, đảm bảo kế hoạch sản lượng, kế hoạch lợi nhuận cũng như tích lũy nguồn vốn đầu tư phát triển cho

<sup>2</sup> Chi tiết tại Phụ lục 04-TBKQKT

công tác di dời nhà máy trong tương lai. Dự án được khởi công ngày 26/11/2018, hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 03/8/2019, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành ngày 28/02/2020 tại Quyết định số 173/QĐ-HĐQT của HĐQT Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Đơn vị thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án, kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, các luật và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng và pháp luật, chính sách còn có những hạn chế, tồn tại trình bày cụ thể tại các phần dưới đây và kết quả kiểm toán điều chỉnh tại các Phụ lục kèm theo:

### **2.1. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán**

- Đơn giá một số thiết bị, vật tư, vật liệu<sup>3</sup> được xác định theo 01 báo giá, chưa thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 và Phụ lục số 4 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán tại gói thầu số 5 và 6 còn sai sót làm tăng giá gói thầu (tuy nhiên dự toán tính lại vẫn cao hơn giá trúng thầu): dự toán gói thầu số 5 tăng 123 triệu đồng do áp sai đơn giá cung cấp tấm FRP bậc thang<sup>4</sup>; dự toán gói thầu số 6 tăng 22 triệu đồng do áp sai giá thép hình, thép tấm so với công bố giá vật liệu xây dựng tháng 9/2018 của tỉnh Đồng Nai<sup>5</sup>.

### **2.2. Công tác lựa chọn nhà thầu**

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu tại một số gói thầu bị chậm so với kế hoạch ban đầu phê duyệt tại Quyết định số 566/QĐ-HCCB ngày 09/8/2016: gói thầu số 2 chậm 03 tháng (kế hoạch là quý III/2016, thực tế là quý IV/2016); gói thầu số 5 bị chậm 14 tháng (kế hoạch là quý I/2017, thực tế quý II/2018); gói thầu số 6 chậm 24 tháng (kế hoạch là quý I/2017, thực tế là quý I/2019);

- Công tác đánh giá hồ sơ đề xuất tại gói thầu số 6 chậm 25 ngày so với quy định tại Điều 12 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 (tối đa 30 ngày, thực tế là 55 ngày);

- Đối với Hợp đồng số 36/2016/HĐTV/CECO-HCCB ngày 28/9/2016 của gói thầu số 1, Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm

<sup>3</sup> Tấm lót sàn FRP, hệ lan can FRP, bản mã FRP, xử lý chất thải rắn tại dự toán gói thầu số 5; vật tư, thiết bị điện của gói thầu số 6

<sup>4</sup> Giá gói thầu được duyệt 4.710 triệu đồng; giá trúng thầu 4.092 triệu đồng; dự toán tính lại 4.587 triệu đồng

<sup>5</sup> Giá gói thầu được duyệt 3.961 triệu đồng; giá trúng thầu 3.905 triệu đồng; dự toán tính lại 3.939 triệu đồng

thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu quy định hợp đồng thực hiện theo hình thức trọn gói nhưng hợp đồng ký kết không nêu hình thức hợp đồng, chưa thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng. Tuy nhiên, thực tế đơn vị quản lý thực hiện hợp đồng theo hình thức trọn gói.

### **2.3. Công tác quản lý tiến độ**

- Dự án thực hiện chậm 18 tháng so với kế hoạch phê duyệt ban đầu<sup>6</sup> và được điều chỉnh gia hạn 02 lần<sup>7</sup> do chủ đầu tư lập, phê duyệt tiến độ ban đầu chưa phù hợp<sup>8</sup> và việc tổ chức thực hiện chậm các gói thầu chính (gói thầu số 2, 5) từ khâu lựa chọn nhà thầu đến thực hiện hợp đồng.

- Thời gian thực hiện một số gói thầu bị chậm và đã được gia hạn theo quy định hợp đồng: thời gian thực hiện hợp đồng gói thầu số 5 bị kéo dài thêm 24 ngày do quá trình thi công phát sinh công tác phá dỡ khối bê tông khi đào móng hầm ngoài nhà và sàn thao tác; thời gian thực hiện hợp đồng gói thầu số 6 chậm 4 ngày do kéo dài thời gian chạy thử; thời gian giao hàng gói thầu số 2 chậm 6,7 tháng so với quy định hợp đồng do nhà thầu bị mất 01 bơm dịch catholyte<sup>9</sup>.

### **2.4. Thuế nhà thầu nước ngoài**

Đơn vị tính thiếu thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 12 và điểm a, khoản 1, Điều 13 của Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam đối với chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao, qua kiểm toán điều chỉnh tăng khoản nộp ngân sách nhà nước 88.309.048 đồng<sup>10</sup>.

## **3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả**

### **3.1. Đánh giá chung**

Giai đoạn thực hiện dự án, đơn vị tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước và

<sup>6</sup> Theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 540/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2016 là 18 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án; thực tế nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng ngày 03/8/2019

<sup>7</sup> Gia hạn lần 1 đến quý II/2019 tại Quyết định số 73/QĐ-HĐQT ngày 22/01/2018; gia hạn lần 2 đến ngày 31/12/2019 tại Quyết định số 546/QĐ-HĐQT ngày 13/6/2019

<sup>8</sup> Tiến độ ban đầu phê duyệt tại Quyết định số 540/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2016 là 18 tháng chưa tính đến thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1; thời gian lập hồ sơ thiết kế BVTC dự kiến là 02 tháng chưa tính đến thời gian chờ phê duyệt thiết kế thiết bị công nghệ tại gói thầu số 2 (04 tháng)

<sup>9</sup> Có xác nhận của cảnh sát Italia. Theo kết quả làm việc giữa các bên, chủ đầu tư xác định không phạt vi phạm hợp đồng do Chủ đầu tư chậm khởi công nên việc giao hàng của nhà thầu không vi phạm Hợp đồng (Điều 7.2 Hợp đồng 136SBV “trong trường hợp chậm chễ giao hàng không gây ra trì hoãn Ngày khởi động, Bên bán sẽ không có trách nhiệm pháp lý về bồi thường thiệt hại cho sự chậm trễ này”)

<sup>10</sup> Thuế GTGT 44.154.524 đồng, thuế TNDN 44.154.524 đồng

quốc tế với các gói thầu có giá trị lớn; thực hiện đàm phán, thương thảo và ký hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng thấp hơn giá gói thầu được duyệt. Dự án được quyết toán với giá trị hoàn thành thấp hơn tổng mức đầu tư được duyệt.

Theo báo cáo của đơn vị<sup>12</sup>, tính từ khi dự án đưa vào sử dụng (ngày 03/8/2019) đến hết quý II năm 2023, tổng sản lượng sản xuất đạt được là 37.026 tấn NaOH quy về nồng độ 100% với 22 loại sản phẩm, tổng doanh thu đạt được 1.048.172 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế bình quân đạt 50.871 triệu đồng/năm, thời gian hoàn vốn 02 năm 03 tháng, sớm hơn 7 tháng so với thời gian hoàn vốn dự án đã phê duyệt là 2 năm 10 tháng.

### **3.2. Những hạn chế tồn tại**

- Tính kinh tế, hiệu lực: thời gian thực hiện dự án bị kéo dài so với kế hoạch, quá trình thực hiện dự án còn có một số hạn chế, việc giải ngân nguồn vốn đầu tư năm 2017 chưa đáp ứng kế hoạch vốn được giao<sup>13</sup> làm ảnh hưởng đến tính kinh tế, hiệu lực của dự án;

- Tính hiệu quả: theo số liệu báo cáo của đơn vị, tính từ khi dự án đưa vào sử dụng đến hết quý II/2023, sản lượng sản xuất NaOH quy về nồng độ 100% bình quân 9.453 tấn/năm, đạt 94,53% công suất thiết kế của dây chuyền mới. Tuy nhiên, dự án chậm bàn giao đưa vào sử dụng cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả dự án.

## **II. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam**

Đề nghị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tổ chức thực hiện các kiến nghị sau:

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tài chính năm 2022 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

- Nộp vào NSNN số tiền thuế qua kiểm toán phát hiện tăng thêm 3.275.579.736 đồng, bao gồm:

+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 3.187.270.688 đồng

+ Thuế nhà thầu: 88.309.048 đồng

- Giảm số thuế GTGT được khấu trừ: 54.265.517 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02, 02a-TBKQKT).

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thực hiện chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác hạch toán kế toán, quản lý nợ phải thu,

<sup>12</sup> Báo cáo sản lượng, doanh thu - chi phí, lợi nhuận ngày 12/9/2023

<sup>13</sup> Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2017 số 1885/TB-HCVN-ĐTĐD ngày 30/12/2016; Quyết định số 79/QĐ-HĐQT ngày 24/01/2017. Nguồn vốn kế hoạch giao là 70.650 triệu đồng, theo báo cáo quyết toán không giải ngân

phải trả,... đã được chỉ ra qua kiểm toán, trong đó tập trung vào những nội dung:

- Tăng cường các biện pháp đôn đốc thu hồi, xử lý dứt điểm các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán để hạn chế tình trạng nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu tiềm ẩn rủi ro tài chính.

- Chấn chỉnh kịp thời các tồn tại trong việc đối chiếu, xác nhận nợ phải thu, phải trả tại 31/12/2022 chưa đầy đủ.

- Có giải pháp về đảm bảo thanh toán phù hợp trong các trường hợp bán hàng trả chậm để phòng tránh rủi ro trong việc thu tiền bán hàng theo quy định của hợp đồng.

- Chấn chỉnh hạn chế, tồn tại trong việc lập dự toán hoạt động sửa chữa lớn thuê ngoài.

- Đối với Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 2 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa: chấn chỉnh những tồn tại trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán; lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng; quản lý tiến độ công xây dựng.

1.4. Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân và xem xét xử lý theo quy định

Xác định rõ nguyên nhân và tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Thông báo kết quả kiểm toán.

## **2. Đối với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam**

Chỉ đạo thông qua người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Đề nghị Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam chỉ đạo đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và gửi kết quả thực hiện về Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 30/06/2024. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị được kiểm toán phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Điều 14 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01-TBKQKT kèm theo.

Thông báo này gồm 11 trang, từ trang 01 đến trang 11 và các phụ lục 01, 02, 02a, 03, 04.1, 04.2, 04.3, 04-TBKQKT là bộ phận không tách rời của Thông báo này. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- KTNN chuyên ngành VI;
- Lưu: VT, ĐKT, Tổ KT.

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**  
**KT.KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH VI**  
**PHÓ KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



*ca*  
Nguyễn Thu Giang



## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại Kho bạc Nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .... /KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế, hải quan xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ....*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*”.

2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XD CB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (*Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh;...*) phải ghi rõ: “*Giảm thanh toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .... /KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).

3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (*giao dự toán, giảm dự toán,...*) phải ghi rõ “*Giảm dự toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .... /KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/khu vực... gửi Kho bạc Nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.

4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế, hải quan ghi rõ “*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ “*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ “*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*”; đồng thời ghi rõ “*niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số .... /KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... tại.... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi Kho bạc Nhà nước (nếu có)*”.

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Phụ lục số 02-TBKQKT

Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và Dự án Đầu tư Bình điện phân Công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế		Giảm thuế GTGT được khấu trừ
					TNDN	Thuế khác	
1	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		0301446260	3.329.845.253	3.187.270.688	88.309.048	54.265.517

**THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
 Qua kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

tại Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Dự án Đầu tư Bình điện phân Công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện nhân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>3.187.270.688</b>		
	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	0301446260	3.187.270.688	- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận, tăng TNDN): 1.247.086.748 đồng - Do loại trừ chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không tương ứng với doanh thu trong kỳ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi Điều 6 của Thông tư số 78/2018/TT-BTC ngày 18/6/2014 (điểm 2.30 và điểm 1a): 946.047.179 đồng - Do loại trừ chi phí tính thuế đối với khoản chi phúc lợi quá 1 tháng lương bình quân thực hiện theo quy định tại điểm 2.30 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015: 946.047.179 đồng	
<b>II</b>	<b>Thuế nhà thầu</b>		<b>88.309.048</b>		
	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	0301446260	88.309.048	Do tính thiếu thuế nhà thầu của Dự án đầu tư Bình điện phân tại điểm 1a khoản 1 Điều 12 và điểm 1a khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014	
<b>III</b>	<b>Giảm thuế GTGT được khấu trừ</b>		<b>54.265.517</b>		
	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	0301446260	54.265.517	Do đơn vị khấu trừ GTGT của chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 14 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013: 98.420.041 đồng Do tăng thuế GTGT được khấu trừ tương ứng với tăng thuế nhà thầu (thuế GTGT): 44.154.524 đồng	

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**1. KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31/12/2022**

*Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.247.956.593.498</b>	<b>1.253.797.312.369</b>	<b>5.840.718.871</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>190.336.792.912</b>	<b>190.336.792.912</b>	<b>-</b>
1. Tiền	111	56.336.792.912	56.336.792.912	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	134.000.000.000	134.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán KD (*)	122	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	335.000.000.000	335.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>287.823.788.855</b>	<b>287.823.788.855</b>	<b>-</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	275.922.756.145	275.922.756.145	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.680.445.161	4.680.445.161	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.872.500.845	10.872.500.845	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(3.651.913.296)	(3.651.913.296)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>381.683.099.438</b>	<b>387.578.083.826</b>	<b>5.894.984.388</b>
1. Hàng tồn kho	141	391.786.132.335	391.786.132.335	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(10.103.032.897)	(4.208.048.509)	5.894.984.388
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>53.112.912.293</b>	<b>53.058.646.776</b>	<b>(54.265.517)</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.098.099.801	3.098.099.801	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	48.055.842.499	48.001.576.982	(54.265.517)
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.958.969.993	1.958.969.993	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>470.462.489.630</b>	<b>470.874.257.547</b>	<b>411.767.917</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>1.204.561.439</b>	<b>1.204.561.439</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	1.204.561.439	1.204.561.439	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>122.892.641.759</b>	<b>123.304.409.676</b>	<b>411.767.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	120.790.359.527	121.202.127.444	411.767.917

- Nguyên giá	222	1.088.599.267.994	1.089.202.125.311	602.857.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(967.808.908.467)	(967.999.997.867)	(191.089.400)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	2.102.282.232	2.102.282.232	-
- Nguyên giá	228	6.393.560.256	6.393.560.256	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(4.291.278.024)	(4.291.278.024)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	-	-	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>405.942.390</b>	<b>405.942.390</b>	-
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	405.942.390	405.942.390	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	-	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>345.959.344.042</b>	<b>345.959.344.042</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	337.178.476.174	337.178.476.174	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8.780.867.868	8.780.867.868	-
3. Thiết bị, VTPT thay thế dài hạn	263	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>1.718.419.083.128</b>	<b>1.724.671.569.916</b>	<b>6.252.486.788</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>289.501.873.256</b>	<b>292.706.196.992</b>	<b>3.204.323.736</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>289.501.873.256</b>	<b>292.706.196.992</b>	<b>3.204.323.736</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23.099.553.136	23.099.553.136	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.466.760.311	2.466.760.311	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.580.918.239	20.856.497.975	3.275.579.736
4. Phải trả người lao động	314	45.571.349.605	45.571.349.605	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12.012.548.557	11.941.292.557	(71.256.000)
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	47.959.131.831	47.959.131.831	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	126.379.730.158	126.379.730.158	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.088.824.236	4.088.824.236	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	10.343.057.183	10.343.057.183	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	324	-	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	-	-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	-

3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.428.917.209.872</b>	<b>1.431.965.372.924</b>	<b>3.048.163.052</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.428.917.209.872</b>	<b>1.431.965.372.924</b>	<b>3.048.163.052</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	442.000.000.000	442.000.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	442.000.000.000	442.000.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	9.506.484	9.506.484	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22.951.530.000	22.951.530.000	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(25.413.193.278)	(25.413.193.278)	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	564.868.318.538	564.868.318.538	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	11.949.121.722	11.949.121.722	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	333.757.881.736	336.806.044.788	3.048.163.052
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	39.519.327.998	39.519.327.998	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	294.238.553.738	297.286.716.790	3.048.163.052
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422	78.794.044.670	78.794.044.670	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>1.718.419.083.128</b>	<b>1.724.671.569.916</b>	<b>6.252.486.788</b>

\* Nguyên nhân chênh lệch:

<b>TÀI SẢN TĂNG</b>		<b>6.252.486.788 đ</b>
<b>1 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm</b>		<b>5.894.984.388 đ</b>
- Do đơn vị ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho chưa đúng theo quy định tại mục 20 và mục 22 của Chuẩn mực kế toán số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 và khoản 2, Điều 4 của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019		5.894.984.388 đ
<b>2 Thuế GTGT được khấu trừ giảm</b>		<b>54.265.517 đ</b>
* Tăng:		<b>44.154.524 đ</b>
- Do tính thiếu thuế nhà thầu của Dự án đầu tư Bình điện phân tại điểm 1a, khoản 1, Điều 12 và điểm 1a, khoản 1, Điều 13 của Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014		44.154.524 đ

* Giảm:	98.420.041 đ
- Do đơn vị khấu trừ GTGT của chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 14 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013	98.420.041 đ
<b>3 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng</b>	<b>602.857.317 đ</b>
- Nguyên giá TSCĐ tăng theo quy định tại khoản a, Điều 4 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do đơn vị tính chi phí nhân công lắp đặt TSCĐ vào chi phí trong kỳ	558.702.793 đ
- Do tính thiếu thuế nhà thầu của Dự án đầu tư Bình điện phân tại điểm 1a, khoản 1, Điều 12 và điểm 1a, khoản 1, Điều 13 của Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014	44.154.524 đ
<b>4 Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình tăng</b>	<b>191.089.400 đ</b>
- Do chi phí khấu hao TSCĐ tăng tương ứng với việc điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ	191.089.400 đ
<b>NGUỒN VỐN TĂNG</b>	
	<b>6.252.486.788 đ</b>
<b>1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng</b>	<b>3.275.579.736 đ</b>
- Do kết quả kiểm toán thay đổi (tăng thu nhập chịu thuế TNDN, tăng thuế TNDN)	3.187.270.688 đ
- Giải thích tại biểu thuế	88.309.048 đ
<b>2 Chi phí phải trả ngắn hạn giảm</b>	<b>71.256.000 đ</b>
- Do trích trước chi phí chưa phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 54 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	71.256.000 đ
<b>3 LNST chưa phân phối kỳ này tăng</b>	<b>3.048.163.052 đ</b>
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	3.048.163.052 đ

## 2. KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.104.285.557.537	2.104.285.557.537	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33.842.977	33.842.977	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-03)	10	2.104.251.714.560	2.104.251.714.560	-
4. Giá vốn hàng bán	11	1.444.081.143.048	1.437.818.545.267	(6.262.597.781)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	660.170.571.512	666.433.169.293	6.262.597.781
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.468.092.710	21.468.092.710	-
7. Chi phí tài chính	22	8.044.142.219	8.044.142.219	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.927.188.592	2.927.188.592	-
8. Chi phí bán hàng	24	84.802.258.584	84.731.002.584	(71.256.000)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	78.619.006.358	78.717.426.399	98.420.041
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	510.173.257.061	516.408.690.801	6.235.433.740
11. Thu nhập khác	31	639.051.826	639.051.826	-
12. Chi phí khác	32	81.799.250	81.799.250	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	557.252.576	557.252.576	-

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	510.730.509.637	516.965.943.377	6.235.433.740
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	106.735.424.048	109.922.694.736	3.187.270.688
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(3.918.940.009)	(3.918.940.009)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	407.914.025.598	410.962.188.650	3.048.163.052
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	354.438.553.738	354.438.553.738	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	53.475.471.860	53.475.471.860	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	7.395	7.395	69

**\* Nguyên nhân chênh lệch:**

<b>1 Giá vốn hàng bán giảm</b>	<b>6.262.597.781 đ</b>
<b>* Tăng:</b>	<b>191.089.400 đ</b>
- Do chi phí khấu hao TSCĐ tăng tương ứng với việc điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ	191.089.400 đ
<b>* Giảm:</b>	<b>6.453.687.181 đ</b>
- Do đơn vị ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho chưa đúng theo quy định tại mục 20 và mục 22 của Chuẩn mực kế toán số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 và khoản 2, Điều 4 của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019	5.894.984.388 đ
- Nguyên giá TSCĐ tăng theo quy định tại khoản a, Điều 4 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do đơn vị tính chi phí nhân công lắp đặt TSCĐ vào chi phí trong kỳ	558.702.793 đ
<b>2 Chi phí bán hàng giảm</b>	<b>71.256.000 đ</b>
- Do trích trước chi phí chưa phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 54 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	71.256.000 đ
<b>3 Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng</b>	<b>98.420.041 đ</b>
- Do đơn vị khấu trừ GTGT của chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 14 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013	98.420.041 đ
<b>4 Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng</b>	<b>3.187.270.688 đ</b>
- Do doanh thu, chi phí thay đổi	3.187.270.688 đ
<b>5 Tổng lợi nhuận sau thuế tăng</b>	<b>3.048.163.052 đ</b>
- Do kết quả kiểm toán thay đổi	3.048.163.052 đ

**3. KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN ĐẾN 31/12/2022**

**3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>1.958.969.993</b>	<b>1.958.969.993</b>	<b>-</b>
1. Thuế GTGT	1.293.547.394	1.293.547.394	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	182.086.400	182.086.400	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	13.444.999	13.444.999	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	469.891.200	469.891.200	-



8. Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
<b>II. Các khoản phải thu khác</b>	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
<b>Tổng cộng = I + II</b>	<b>1.958.969.993</b>	<b>1.958.969.993</b>	-
<b>III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>8.780.867.868</b>	<b>8.780.867.868</b>	-

### 3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>17.580.918.239</b>	<b>20.856.497.975</b>	<b>3.275.579.736</b>
1. Thuế GTGT	4.483.601.488	4.483.601.488	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.294.254.791	13.481.525.479	3.187.270.688
5. Thuế thu nhập cá nhân	2.753.339.987	2.753.339.987	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8. Các loại thuế khác	49.721.973	138.031.021	88.309.048
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
<b>Tổng cộng = I + II</b>	<b>17.580.918.239</b>	<b>20.856.497.975</b>	<b>3.275.579.736</b>
<b>III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	-	-	-

\* Nguyên nhân chênh lệch:

<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG</b>	<b>3.275.579.736 đ</b>
<b>1 Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng</b>	<b>3.187.270.688 đ</b>
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận, tăng TNDN)	1.247.086.748 đ
- Do loại trừ chi phí không tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, không tương ứng với doanh thu trong kỳ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi Điều 6 của Thông tư số 78/2018/TT-BTC ngày 18/6/2014 (điểm 2.30 và điểm 1a)	994.136.761 đ
- Do loại trừ chi phí tính thuế đối với khoản chi phúc lợi quá 1 tháng lương bình quân thực hiện theo quy định tại điểm 2.30 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015	946.047.179 đ
<b>2 Các loại thuế khác tăng</b>	<b>88.309.048 đ</b>
- Do tính thiếu thuế nhà thầu của Dự án đầu tư Bình điện phân tại điểm 1a, khoản 1, Điều 12 và điểm 1a, khoản 1, Điều 13 của Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014	88.309.048 đ

**KIỂM TOÁN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**  
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ BÌNH ĐIỆN PHÂN CÔNG SUẤT 10.000 TẤN NAOH 100%/NĂM THAY THẾ 02 BÌNH ĐIỆN PHÂN DD350 TẠI NHÀ**  
**MÁY HÓA CHẤT BIÊN HÒA**

*Đơn vị tính: VND*

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
	<b>Tổng số</b>	<b>122.237.638.903</b>	<b>122.237.638.903</b>	
1	Vốn của doanh nghiệp	69.606.555.103	69.606.555.103	-
2	Vốn vay thương mại	52.631.083.800	52.631.083.800	-

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ

Phụ lục số 04.2-TBKQKT

DỰ ÁN ĐẦU TƯ BÌNH ĐIỆN PHÂN CÔNG SUẤT 10.000 TẤN NAOH 100%/NĂM THAY THẾ 02 BÌNH ĐIỆN PHÂN DD350 TẠI NHÀ MÁY HÓA CHẤT BIÊN HÒA

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/12/2022	Đề xuất xử lý tài chính		
						Sai khối lượng	Sai đơn giá, định mức	Sai khác		Thu hồi	Giảm thanh, quyết toán	Xử lý khác
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG CỘNG TOÀN BỘ</b>	<b>122.237.638.903</b>	<b>120.770.918.644</b>	<b>120.859.227.692</b>	<b>88.309.048</b>	-	-	<b>88.309.048</b>	<b>122.237.638.903</b>	-	-	<b>88.309.048</b>
	Chi phí xây dựng	4.085.659.403	4.085.659.403	4.085.659.403	-	-	-	-	4.085.659.403	-	-	-
	Chi phí thiết bị	106.509.100.377	106.509.100.377	106.509.100.377	-	-	-	-	106.509.100.377	-	-	-
	Chi phí tư vấn	4.162.000.000	3.531.000.000	3.531.000.000	-	-	-	-	4.162.000.000	-	-	-
	Chi phí khác	7.480.879.123	6.645.158.864	6.733.467.912	88.309.048	-	-	-	7.480.879.123	-	-	-
1	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>4.085.659.403</b>	<b>4.085.659.403</b>	<b>4.085.659.403</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.085.659.403</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>88.309.048</b>
	Gói thầu số 5 "Xây dựng móng bình điện phân, hầm ngoài nhà, sàn thao tác, giàn đỡ ống"	4.085.659.403	4.085.659.403	4.085.659.403	-	-	-	-	4.085.659.403	-	-	-
2	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>106.509.100.377</b>	<b>106.509.100.377</b>	<b>106.509.100.377</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106.509.100.377</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
2.1	Gói thầu số 6 "Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ và hệ thống điện"	3.905.435.026	3.905.435.026	3.905.435.026	-	-	-	-	3.905.435.026	-	-	-
2.2	Gói thầu số 2 "Bình điện phân và hệ thống phụ trợ"	93.212.107.500	93.212.107.500	93.212.107.500	-	-	-	-	93.212.107.500	-	-	-
2.3	Thuế GTGT cho bình điện phân và hệ thống phụ trợ	9.391.557.851	9.391.557.851	9.391.557.851	-	-	-	-	9.391.557.851	-	-	-
3	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
4	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>4.162.000.000</b>	<b>3.531.000.000</b>	<b>3.531.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.162.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
4.1	Gói thầu "Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình"	583.000.000	-	-	-	-	-	-	583.000.000	-	-	-
4.2	Gói thầu số 1 "Tư vấn quản lý dự án, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị"	3.531.000.000	3.531.000.000	3.531.000.000	-	-	-	-	3.531.000.000	-	-	-
4.3	Gói thầu số 3 "Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình"	48.000.000	-	-	-	-	-	-	48.000.000	-	-	-
5	<b>Chi phí khác.</b>	<b>7.480.879.123</b>	<b>6.645.158.864</b>	<b>6.733.467.912</b>	<b>88.309.048</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>88.309.048</b>	<b>7.480.879.123</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>88.309.048</b>
5.1	Gói thầu số 7 "Bảo hiểm công trình xây dựng"	351.161.029	-	-	-	-	-	-	351.161.029	-	-	-
5.2	Gói thầu số 4 "Bốc dỡ, vận chuyển thiết bị nhập ngoài từ cảng Cát Lái về Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"	323.431.921	-	-	-	-	-	-	323.431.921	-	-	-

5.3	Chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao gồm: phí đi lại 2 chiều, ăn ở, lưu trú,... của chuyên gia gói 02 thực hiện chuyển giao (không bao gồm giá trị sản phẩm thu hồi được và nguyên nhiên liệu, vật tư phục vụ chạy thử)	869.258.750	869.258.750	957.567.798	88.309.048			88.309.048	869.258.750			88.309.048
5.4	Các chi phí khác có liên quan (thuế thu nhập nhà thầu nước ngoài, thuế nhập khẩu...)	1.568.961.558	1.568.961.558	1.568.961.558	-				1.568.961.558			
5.5	Các chi phí khác trong quá trình thực hiện	161.127.309							161.127.309			
5.6	Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	4.206.938.556	4.206.938.556	4.206.938.556	-				4.206.938.556			

**KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CÁC NỘI DUNG KHÁC**  
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ BÌNH ĐIỆN PHÂN CÔNG SUẤT 10.000 TẤN NAOH 100%/NĂM THAY THẾ 02 BÌNH ĐIỆN PHÂN DD350 TẠI NHÀ**  
**MÁY HÓA CHẤT BIÊN HÒA**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo		Số kiểm toán		Chênh lệch	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
A.	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2
a/ Tài sản cố định	107.827.997.943	-	107.916.306.991	-	88.309.048	-
b/ Tài sản lưu động	3.559.270.537	-	3.559.270.537	-	-	-

## NỘI DUNG, CĂN CỨ, PHẠM VI VÀ GIỚI HẠN KIỂM TOÁN

### 1. Nội dung kiểm toán

Tài sản, nguồn vốn, doanh thu, thu nhập, chi phí, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; nguồn vốn, chi phí đầu tư thực hiện dự án; việc thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính - kế toán.

### 2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

#### 2.1. Phạm vi kiểm toán

##### a) Đối với kiểm toán báo cáo tài chính

- Đơn vị được kiểm toán: Công ty mẹ Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam<sup>13</sup>.

- Thời kỳ được kiểm toán: Niên độ tài chính năm 2022 và các thời kỳ trước, sau có liên quan của Công ty mẹ Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

b) Đối với kiểm toán Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa

- Danh mục gói thầu, hạng mục, chi phí được kiểm toán :

+ Chi phí xây dựng: Gói thầu số 5 "Xây dựng móng bình điện phân, hầm ngoài nhà, sàn thao tác, giàn đỡ ống".

+ Chi phí thiết bị: Gói thầu số 6 "Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ và hệ thống điện"; Gói thầu số 2 "Bình điện phân và hệ thống phụ trợ"; Thuế GTGT cho bình điện phân và hệ thống phụ trợ.

+ Chi phí tư vấn: Gói thầu "Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình"; Gói thầu số 1 "Tư vấn quản lý dự án, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị"; Gói thầu số 3 "Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình".

+ Chi phí khác: Gói thầu số 7 "Bảo hiểm công trình xây dựng"; Gói thầu số 4 "Bốc dỡ, vận chuyển thiết bị nhập ngoài từ cảng Cát Lái về Nhà máy Hóa chất Biên Hòa"; Chi phí cho quá trình chạy thử không tải và có tải theo quy trình công nghệ trước khi bàn giao gồm: phí đi lại 2 chiều, ăn ở, lưu trú,... của chuyên gia gói 02 thực hiện chuyển giao (không bao gồm giá trị sản phẩm thu hồi được và nguyên nhiên liệu, vật tư phục vụ chạy thử); Các chi phí khác có liên quan

<sup>13</sup> Chỉ kiểm toán chứng từ do Văn phòng Công ty mẹ cung cấp

(thuế thu nhập nhà thầu nước ngoài, thuế nhập khẩu...); Các chi phí khác trong quá trình thực hiện; Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng.

- Thời kỳ được kiểm toán: từ khi triển khai thực hiện dự án đến 31/12/2022 và thời kỳ trước, sau có liên quan.

## 2.2. Giới hạn kiểm toán

Do điều kiện khách quan về thời gian, nhân lực và để tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giới hạn kiểm toán của cuộc kiểm toán như sau:

- Không kiểm toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ; các chỉ tiêu tổng hợp và hợp nhất của đơn vị không kiểm toán được ghi nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính xác thực, trung thực, hợp lý của hồ sơ, tài liệu số liệu cung cấp cho Kiểm toán nhà nước.

- Không kiểm toán, xác định lại các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đã thực hiện<sup>14</sup>.

- Chỉ thực hiện trên cơ sở các chứng từ, tài liệu do Văn phòng Công ty mẹ cung cấp. Các chỉ tiêu tổng hợp và hợp nhất của đơn vị không kiểm toán được lấy theo số liệu báo cáo của Công ty.

- Không chứng kiến việc kiểm kê tiền mặt, tài sản, vật tư, hàng hóa tồn kho; không đối chiếu, xác nhận nợ phải thu, nợ phải trả với các tổ chức, cá nhân liên quan; không kiểm tra xác minh tính trung thực, hợp lý của các báo giá; không xác minh, xác nhận nguồn gốc, quy cách, giá cả, chất lượng, hóa đơn của hàng hóa, vật tư, thiết bị, dịch vụ đầu vào do không có điều kiện chứng kiến thực tế quá trình nhập kho, nghiệm thu, thanh toán, thi công sửa chữa, cung cấp dịch vụ tại thời điểm phát sinh.

- Không kiểm toán công tác quản lý, sử dụng đất đai<sup>15</sup>.

- Không kiểm toán việc cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Đề án cơ cấu lại Vinachem giai đoạn 2021-2025 chưa được phê duyệt và năm 2022 Vinachem chưa thực hiện tái cơ cấu theo đề án này.

- Đối với Dự án Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa:

+ Thực hiện kiểm toán trên hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư cung cấp (chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính trung thực của tài liệu đã cung cấp cho

<sup>14</sup> Các Báo cáo kiểm toán của KTNN đã có đánh giá, nhận xét, kiến nghị

<sup>15</sup> Năm 2021, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam có nội dung kiểm toán: “Công tác quản lý và sử dụng đất đai”. Qua khảo sát cho thấy, năm 2022 Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên không có biến động về đất đai so với năm 2020. Mặt khác, phần lớn đất đai của Tập đoàn và các đơn vị thành viên chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP

Kiểm toán nhà nước).

+ Không xác minh, xác nhận nguồn gốc, quy cách, cơ sở giá cả, chất lượng, hóa đơn của vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ đầu vào vì không có điều kiện chứng kiến thực tế quá trình nhập kho, thi công, nghiệm thu, thanh toán; không kiểm tra, đối chiếu tại các nhà thầu xây lắp, chế tạo, cung cấp vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ; không chứng kiến kê vật tư, tài sản.

+ Không kiểm tra hiện trường kích thước những kết cấu ngầm, bị che khuất, trên cao.

+ Không tiến hành kiểm định chất lượng công trình.

- Đối với các dự án đầu tư để hình thành TSCĐ mới và nâng cấp TSCĐ: không kiểm toán nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện, tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực và việc tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế của doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

-----  
**Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO**

— Photo: — ban TGTĐ .

— D. KHKD ; ĐTXD ; KT



CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG  
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC  
BẢO LỘC - BẢO LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6850/TB-CCTKV

Bảo Lộc, ngày 17 tháng 12 năm 2023

CTY HÓA CHẤT CƠ BẢN MN

Số: 595  
ĐẾN Ngày: 14/12/23

### THÔNG BÁO

V/v. tạm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm

Chuyển: P. T. K.  Thông báo lần đầu  Thông báo từ năm thứ hai trở đi  Thông báo điều chỉnh, bổ sung

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ pháp luật về tiền thuê đất, thuê mặt nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ hồ sơ thuê đất của: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam.

Căn cứ biên bản cuộc họp giữa Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm và Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam về Giải quyết kiến nghị của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng.

Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm xác định và thông báo tiền thuê đất, thuê mặt nước tạm nộp từ năm 2006 đến năm 2020 như sau:

#### A. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

1. Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam.

2. Mã số thuế: 0301446260

3. Địa chỉ:

3.1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Địa chỉ trụ sở tại Bảo Lộc: Số 62 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

4. Số điện thoại: Email:

5. Tên đại lý thuế (nếu có):

6. Mã số thuế:

7. Địa chỉ:

#### B. THÔNG TIN VỀ ĐẤT, MẶT NƯỚC

##### I. THUÊ ĐẤT

1. Thửa đất số: 26,27,67,69,70 - Tờ bản đồ số: F.136.I, F.135.II.B, F136 .I

2. Địa chỉ:

- 2.1. Thôn:
- 2.2. Phường: 01
- 2.3. Thành phố: Bào Lộc
- 2.4. Tỉnh: Lâm Đồng
3. Vị trí theo Bảng giá đất:
  - 3.1. Đường/đoạn đường/khu vực:
  - 3.2. Vị trí thửa đất:
4. Mục đích sử dụng đất: Triển khai dự án khai thác khoáng sản
5. Nguồn gốc đất: Nhà nước cho thuê đất
6. Thời hạn thuê đất: 25 năm
7. Diện tích đất thuê: 30.333 m<sup>2</sup>
  - 7.1. Diện tích phải nộp tiền thuê: 500.663 m<sup>2</sup>
  - 7.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê: (m<sup>2</sup>)

## II. THUÊ MẶT NƯỚC

1. Vị trí mặt nước:
2. Mục Đích sử dụng mặt nước:
3. Thời hạn thuê mặt nước (năm):
4. Diện tích mặt nước thuê: (m<sup>2</sup>)

## C. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

### I. TIỀN THUÊ ĐẤT

1. Đơn giá thuê đất: *(có bảng kê kèm theo)* đồng/m<sup>2</sup>/năm
2. Tổng số tiền thuê đất phải tạm nộp: **23.555.676.406 đồng** *(kèm theo bảng kê)*.
3. Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và các khoản giảm trừ khác (nếu có):
  - 3.1. Tiền tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước được trừ vào tiền thuê đất: .....
  - 3.2. Tiền tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền thuê đất (nếu có):
  - 3.3. Các khoản giảm trừ khác: Số tiền đã tạm nộp từ năm 2006 đến năm 2016: 5.947.171.711 đồng
4. Miễn, giảm tiền thuê đất (nếu có):
  - 4.1. Miễn tiền thuê đất:
    - 4.1.1. Lý do miễn:
    - 4.1.2. Thời gian miễn:

4.1.3. Số tiền miễn:

4.2. Giảm tiền thuê đất:

4.2.1. Lý do giảm: Giảm 50% số tiền thuê đất phải nộp của năm 2013, 2014 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

4.2.2. Thời gian giảm: Năm 2013, 2014.

4.2.3. Số tiền giảm: 3.887.824.496 đồng.

5. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước [(5)=(2)-(3)-(3.3)-(4.1.3)-(4.2.3)]: **13.720.680.199 đồng.**

Viết bằng chữ: (Mười ba tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, một trăm chín mươi chín đồng).

6. Thời hạn nộp tiền:

Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo thông báo này;

Chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất còn lại theo thông báo này;

## II. TIỀN THUÊ MẶT NƯỚC

1. Đơn giá thuê mặt nước: .....

2. Số tiền thuê mặt nước phải nộp: .....đồng

3. Miễn, giảm tiền thuê mặt nước (nếu có):

**III. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH** (Người nộp thuế, Ngân hàng, Kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước):

1. Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam.

2. Mã số thuế: 0301446260

3. Tài khoản số 7111 mở tại: Kho bạc Nhà nước thành phố Bảo Lộc; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bảo Lộc và các Phòng giao dịch trực thuộc; Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bảo Lộc; Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Lâm Đồng - PGD Bảo Lộc; Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bảo Lộc.

4. Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm; Mã cơ quan quản lý thu: 1056132

5. Tên Chương: Kinh tế hỗn hợp ngoài quốc doanh Mã Chương: 754

6. Nội dung kinh tế (Tiểu mục):

Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục):	Mã Tiểu mục
Tiền thuê đất hàng năm	3601

7. Tên địa bàn hành chính: - Mã địa bàn hành chính: 24814

8. Mã định danh hồ sơ (nếu có):

*Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền thuê mặt đất, mặt nước phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp bằng số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày; nộp đầy đủ tiền thuê mặt đất, mặt nước phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.*

Thông báo này thay thế các thông báo số 3552/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3553/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3554/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3555/TB-CCTKV ngày 30/5/2023; 3556//TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3557/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3558//TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3559/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3560/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3561/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3562/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3563/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3564/TB-CCTKV ngày 30/5/2023, 3565/TB-CCTKV ngày 30/5/2023 và 3566/TB-CCTKV ngày 30/5/2023 của Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm đối với Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam từ năm 2006 đến năm 2020.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm theo số điện thoại: 02633 711 300 - địa chỉ: số 100 Hồ Tùng Mậu, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm thông báo để Người nộp thuế được biết và thực hiện. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Tấn Như**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO**

— Photo : — Ban TGD .

— P. ĐTXD ; P. KHKD ; N&HC

— Fax : — Mò Boxít B&C .

*[Chữ ký]*